



CÔNG TY CP CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MŨI NÉ



BẢN TỰ CÔNG BỐ

NƯỚC CHẤM CHAY VẠN THIỆN

SỐ 29/PTMN/2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 29/PTMN/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT – MŨI NÉ.

Địa chỉ: Lô 47-48 Khu chế biến Nước mắm, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Điện thoại: 02523.813.156

Fax: 02523.710169

Email: info@nuocmamphanthietmuine.com

Mã số doanh nghiệp: 3401 108 327

Giấy chứng nhận hệ thống Phân tích mối nguy và Kiểm soát điểm tới hạn theo yêu cầu của HACCP Codex Alimentarius: 5065/QĐ-QUACERT.

Ngày cấp: 12/10/2021

Nơi cấp: TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT).

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: NƯỚC CHẤM CHAY VẠN THIỆN

2. Thành phần:

Thành phần cấu tạo:

Thành phần chính ($\geq 98\%$): Nước cốt quả thơm, nước cốt tương, nước muối, đường nước, chiết xuất nấm men.

Thành phần khác ($\leq 2\%$): Nước, chất điều vị (INS 627, 631), chất tạo ngọt tổng hợp (INS 955), chất chống oxy hóa (INS 330), chất bảo quản (INS 211), phẩm màu tổng hợp (INS 110, 150a), hương liệu tổng hợp.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 12 tháng, kể từ ngày sản xuất.

- Ngày sản xuất (NSX), hạn sử dụng (HSD) được ghi trên nắp chai, nhãn hoặc trên chai và được ghi trên thùng giấy carton.

4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:

1.1 Chất liệu bao bì: Bao bì chứa đựng trực tiếp nước chấm chay là:

a) Các chai nhựa PET, thể tích: từ 39 ml đến 5 lít

b) Can nhựa, thể tích từ 19 lít đến 30 lít

c) Các chai thủy tinh, thể tích từ 39 ml đến 750ml

1.2 Quy cách đóng gói: Các chai được đựng trong hộp giấy hoặc thùng carton:

05 chai x 39ml, 06 chai x 60ml, 02 chai x 500 ml, 12 chai x 500 ml, 24 chai x 500 ml, 12 chai x 520 ml, 12 chai x 620 ml, 15 chai x 750 ml, 04 chai x 5 lít, 01 can x 20 lít, 01 can x 30 lít

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT – MŨI NÉ

Địa chỉ: Lô 47-48 KHU CHẾ BIẾN NƯỚC MẮM, PHƯỜNG PHÚ HẢI, TP. PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)



Nước chấm chay được sản xuất từ nước cốt trái thơm pha hỗn hợp cùng nước cốt đầu nành với vị ngọt thanh của đường phèn nước, hương thơm của dưa tươi hoà quyện với muối tinh sẽ mang đến cảm nhận hương vị tự nhiên cho người tiêu dùng.

Nước chấm chay thích hợp cho người ăn chay, thực dưỡng. Đặc biệt, nước chấm chay thơm ngon được sử dụng để làm nguyên liệu và gia vị chế biến các món chay.

Sản xuất và đóng chai tại:

**CÔNG TY CP CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM
PHAN THIẾT - MŨI NÈ**

Địa chỉ: Lô 47 - 48 khu chế biến nước mắm, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Website: www.nuocmamphanthietmuine.com

www.nuocmamtot.com

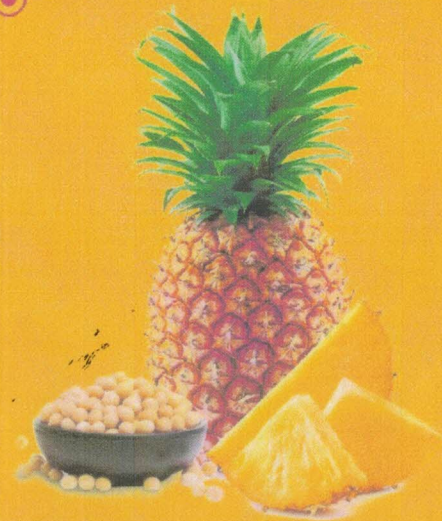
Tư vấn khách hàng:
(028) 6654.1511 - (0252) 381.3156

NSX: Xem trên bao bì sản phẩm.

HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

NƯỚC CHẤM CHAY

VẠN THIÊN



SỐ TỰ CÔNG BỐ: 29/PTMN/2022

THÀNH PHẦN CẤU TẠO:

Thành phần chính ($\geq 98\%$): Nước cốt quả thơm, nước cốt tương, nước muối, đường nước, chiết xuất nấm men.

Thành phần khác ($\leq 2\%$): Nước, chất điều vị (INS 627, 631), chất tạo ngọt tổng hợp (INS 955), chất chống oxy hóa (INS 330), chất bảo quản (INS 211), phẩm màu tổng hợp (INS 110, 150a), hương tổng hợp.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Dùng để chấm hoặc làm gia vị món ăn chay.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

Nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, đậy kín nắp sau khi mở ra sử dụng. Sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật.

THÔNG TIN CẢNH BÁO:

Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng. Không sử dụng đối với người có khả năng miễn cảm với các thành phần của sản phẩm.



Thể tích thực: 520 ml



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Công ty sản xuất thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	YÊU CẦU
1	Màu sắc	Nâu cánh gián.
2	Độ trong	Trong, không bị vẩn đục
3	Mùi	Mùi thơm nhẹ, dễ chịu, đặc trưng, không có mùi lạ.
4	Vị	Không mặn chát, không có vị lạ.
5	Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường	Không có

2. Các chỉ tiêu chất lượng: Theo tiêu chuẩn cơ sở

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC CÔNG BỐ
1	Hàm lượng muối NaCl trong khoảng	g/l	180-260

3. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
1	Hàm lượng chì	mg/L	2.0
2	Hàm lượng arsen vô cơ	mg/L	1.0
3	Hàm lượng cadimi	mg/L	1.0
4	Hàm lượng thủy ngân	mg/L	0.05

4. Các chỉ tiêu vi sinh: Theo QĐ 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/mL	10^4
2	Coliforms	CFU/mL	10^2
3	Clostridium perfringens	CFU/mL	10
4	Escherichia Coli	MPN/mL	0
5	Staphylococcus aureus	CFU/mL	3

6	Tổng số bào tử nấm men - mốc	CFU/mL	10
7	Salmonella	PH/25mL	0

5. Dư lượng thuốc BVTV: Theo thông tư 50/2016/TT-BYT ban hành ngày 30/12/2016

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
1	Carbendazim	mg/L	5
2	Clothianidin	mg/L	0.01
3	Diazinon	mg/L	0.1
4	Dimethormorph	mg/L	0.01
5	Disulfoton	mg/L	0.1
6	Ethephon	mg/L	2
7	Heptachlor	mg/L	0.01
8	Metalaxyl	mg/L	0.1
9	Methidation	mg/L	0.05
10	Propiconazole	mg/L	0.02
11	Thiamethoxam	mg/L	0.01
12	Triadimefon	mg/L	5
13	Triadamenol	mg/L	5

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp Phan Thiết, ngày 10 tháng 9 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THỊ MỸ



CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN
BINH THUAN BRANCH OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
ISO/IEC 17025 - ISO 9001

VILAS 266

VIMCERTS 129

Head Office: Xuan An Residential Area, Xuan An Ward, Phan Thiet City, Binh Thuan Province Tel: 0252.3822390, 0908.700.379 Website: tdcbinhthuan.vn

Số: 21125462

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/Date: 24/12/2021

Trang/Page: 1

Nơi gửi mẫu/ Client: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT
- MŨI NÉ

Địa chỉ/ Address: LÔ 47-48 KHU CHẾ BIẾN NƯỚC MẮM, PHƯỜNG PHÚ HẢI, THÀNH PHỐ
PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date: 17/12/2021

Ngày hẹn trả/ Date of returning result: 24/12/2021

Tên mẫu/ Sample name: NƯỚC CHẤM CHAY

Mô tả mẫu/ Sample description: Mẫu đựng trong chai nhựa Số lượng/ Quantity:

01

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
01	Natri clorua (NaCl)	g/L	200	TCVN 3702: 2009
02	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	Ref.AOAC 986.15
03	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	Ref.AOAC 986.15
04	Clostridium perfringens	CFU/ml	< 1,0	TCVN 4991:2005(*)
05	Goliform tổng	CFU/ml	< 1,0	TCVN 6848:2007 (*)
06	Escherichia coli	MPN/ml	0	TCVN 6846:2007 (*)
07	Salmonella	PH/25ml	KPH	TCVN 10780-1:2017(*)
08	Staphylococcus aureus	CFU/ml	< 1,0	TCVN 4830-1:2005 (*)
09	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	6,8 x 10 ²	TCVN 4884-2:2015(*)
10	Arsen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,01)	AOAC 986.15 (*)
11	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	TCVN 7604:2007

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số Chứng Thực: 4018 Quyền số: 01-SCT/BS

Ngày: 30-06-2022

PHÓ CHỦ TỊCH UBND P. BÌNH HƯNG



Nguyễn Thị Dung

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
12	Cảm quan		Màu sắc: Nâu vàng. Độ trong: Trong, không vẩn đục. Mùi: Mùi thơm đặc trưng. Vị: Không mặn chát, không có vị lạ. Tập chất nhìn thấy bằng mắt thường: Không có.	TCVN 3215:1979

Hàm lượng Nito amoniac và hàm lượng Nito acid amin được tính bằng % so với hàm lượng Nito toàn phần.

TRƯỜNG PHÒNG
Head of laboratory

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Thành Tín

Ngô Minh Toàn

Ghi chú/Remark:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/Test result are valid only for test sample
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày (kể từ ngày hẹn trả kết quả)/Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation).
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality.
- Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/The following sample(s) was/were submitted and identified by client
- (*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận/Items are accredited by VILAS. (TP): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/Items are tested by subcontractor
- LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection. KPH: Không phát hiện/ Not detected.



CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN
BINH THUAN BRANCH OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
ISO/IEC 17025 - ISO 9001

VILAS 266

VIMCERTS 129

Head Office: Xuan An Residential Area, Xuan An Ward, Phan Thiet City, Binh Thuan Province Tel: 0252.3822390, - 0908.700.379 Website: tdcbinhthuan.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/Date: 24/12/2021

Số: 21125519

Trang/Page: 1

Nơi gửi mẫu/ Client: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MŨI NÈ

Địa chỉ/ Address: LÔ 47-48 KHU CHẾ BIẾN NƯỚC MẮM, PHƯỜNG PHÚ HẢI, THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date: 17/12/2021

Ngày hẹn trả/ Date of returning result: 24/12/2021

Tên mẫu/ Sample name: NƯỚC CHẤM CHAY

Mô tả mẫu/ Sample description: Mẫu đựng trong chai nhựa Số lượng/ Quantity:

01

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
01	Carbendazim	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.016/2019 (Ref.AOAC 2007.01- LC/MS/MS)
02	Clothianidin	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	Ref.AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)
03	Diazinon	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.012/2019 (Ref.AOAC 2007.01- LC/MS/MS)
04	Dimethomorph	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	Ref.AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)
05	Disulfoton	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.012/2019 (Ref.AOAC 2007.01- LC/MS/MS)
06	Ethephon	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	Ref.AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)
07	Heptachlor	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.011/2019 (Ref.AOAC 2007.01- GC/ECD)
08	Metalaxyl	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	Ref.AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)
09	Methidathion	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.012/2019 (Ref.AOAC 2007.01- LC/MS/MS)

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
10	Propiconazole	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.015/2019 (Ref.AOAC 2007.01- LC/MS/MS)
11	Thiamethoxam	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	Ref.AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)
12	Triadimefon	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	Ref.AOAC 2007.01 (GC/MS)
13	Triadimenol	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	Ref.AOAC 2007.01 (GC/MS)
14	Định lượng tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/ml	< 1,0	TCVN 8275-1:2010(*)

TRƯỞNG PHÒNG
Head of laboratory

GIÁM ĐỐC
Director

Nguyễn Thành Tín

Ngô Minh Toàn

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số Chứng Thực 4019.....Quyển số: 01-SCT/BS

Ngày.....30-06-2022.....

PHÓ CHỦ TỊCH UBND P. BÌNH HƯNG

Nguyễn Thị Dung

Ghi chú/Remark:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/Test result are valid only for test sample
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày (kể từ ngày hẹn trả kết quả)/Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation).
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality.
- Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/The following sample(s) was/were submitted and identified by client
- (*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận/Items are accredited by VILAS. (TP): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/Items are tested by subcontractor
- LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection. KPH: Không phát hiện/ Not detected.